

Bản án số: 694/2021/DS-PT

Ngày: 16/12/2021

*Về việc Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Thẩm phán: 1. Ông Uông Văn Tuấn

2. Ông Lại Huỳnh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 và ngày 16/12/2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2021/TLPT-DS ngày 19/4/2021, về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2021/DS-ST ngày 26/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện CC bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4251/2021/QĐ-PT ngày 11/11/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: 07A đường MC, ấp TĐ, xã TTH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn E, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Đường NVN, tổ M, Khu phố H, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số 33/1 đường S, tổ MB, ấp G, xã TPT, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1967

Địa chỉ: 155/2 đường DVT, ấp XC, xã TAH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N: Bà Trần Thị L, sinh năm 1952 (có mặt) (theo Giấy ủy quyền ngày 04/01/2021)

Địa chỉ: 07A đường MC, ấp TĐ, xã TTH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Trần Thị L1, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Đường NTK, tổ M, Khu phố H, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Trần Quốc V, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Đường NVN, tổ M, Khu phố H, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Trần Ngọc Y, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường NVN, tổ M, Khu phố H, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Trần Quốc P, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Đường NVN, tổ M, Khu phố H, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Bà Nguyễn Thị Y1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường NVN, tổ M, Khu phố H, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Bà Võ Thị H (Võ Thị Kim C), sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Đường NVN, tổ M, Khu phố H, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9. Ông Trần Võ V1, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường NVN, tổ M, Khu phố H, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.10. Bà Trần Thị Thủy T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, Khu phố 5, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.11. Ông Trần Văn Anh X, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường NVN, tổ M, Khu phố H, thị trấn CC, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.12. Ông Trần Thanh H1, sinh năm 1955 (chết ngày 20/6/2021)

Địa chỉ: Số 38B đường NB, tổ H, ấp T, xã TTH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hải:

3.12.1. Bà Trương Thị Mỹ L2, sinh năm 1962 (có mặt)

3.12.2. Bà Trần Ngọc Bích T1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

3.12.3. Ông Trần Văn L3, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 38B đường NB, tổ H, ấp T, xã TTH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.13. Ủy ban nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện CC: Ông Nguyễn Việt D, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn E

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L ngày 25/11/2013 và ngày 26/6/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình:

Cha mẹ của bà là ông Trần Văn Phụng, chết năm 2007 và bà Nguyễn Thị Trao, chết năm 2004, không có để lại di chúc. Cha mẹ của bà có tất cả 06

người con gồm: Bà Trần Thị L, ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị N, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị H và ông Trần Văn E.

Cha mẹ của bà chết có để lại di sản là phần đất diện tích 301m^2 thuộc thửa số 23, 524, tờ bản đồ số 50, trên đất có căn nhà cấp 4, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC. Phần di sản này đã được em trai của bà là ông Trần Văn E hợp thức hóa chiếm dụng cho cá nhân và đã được Ủy ban nhân dân huyện CC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng sau đó các chị em bà khiếu nại nên Ủy ban nhân dân huyện CC đã ban hành Quyết định số 5923/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 và Quyết định số 6031/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 thu hồi, hủy bỏ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông E và hướng dẫn bà khởi kiện ra Tòa án để tranh chấp di sản thừa kế.

Như vậy, phần di sản thừa kế của cha mẹ để lại, anh chị em của bà cũng có quyền sở hữu và sử dụng bằng nhau, tuy nhiên ông E lại muốn chiếm đoạt nhà đất này, qua nhiều lần hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn Củ Chi nhưng không thành.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được hưởng di sản của cha mẹ để lại theo kỹ phần thừa kế là $301\text{m}^2 : 6 = 50\text{m}^2$.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà Lyêu cầu được hưởng phần di sản do cha mẹ để lại là phần đất diện tích đất 301m^2 , thửa đất số 23, 524, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại thị trấn Củ Chi, huyện CC và Bà Lyêu cầu chia thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia hiện vật quyền sử dụng đất, cụ thể: Phần đất 301m^2 chia làm 07 phần bằng nhau, ông E được 02 phần, 05 người còn lại mỗi người được 01 phần bằng nhau. Theo biên bản định giá ngày 18/4/2018 thì giá đất thổ cư là $15.000.000\text{đ}/\text{m}^2$, giá đất trồng cây lâu năm là $10.000.000\text{đ}/\text{m}^2$, tính ra thành tiền là 4.010.000.000 đồng, Bà Lyêu cầu được hưởng 571.000.000 đồng. Còn phần căn nhà và các công trình phụ trên đất, Bà L đồng ý để lại cho ông E thừa hưởng.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 4 năm 2014, ngày 29 tháng 6 năm 2014 và ngày 29 tháng 5 năm 2015 bị đơn ông Trần Văn E trình bày:

Ngày 18/4/2014, ông có nhận được Thông báo của Tòa án về việc bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ông chia 50m^2 đất, điều này là vô lý. Ông chứng minh nguồn gốc đất của cha mẹ ông để lại cho ông từ trước đến nay, việc này đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Củ Chi xác minh khi cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 27496 ngày 25/01/2010. Cha mẹ của ông có nhiều tài sản khác nhau như tiền, vàng, đất, các tài sản này cha mẹ ông đã chia cho các con từ nhiều năm trước, phần đất này là của ông.

Phần đất này tuy của cha mẹ ông nhưng ông là người trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1975 đến nay là 40 năm, vậy mà Bà L đòi chia là không đúng.

Vào năm 1975, đất nước đã giải phóng, gia đình ông ở nhờ đất của hàng xóm, phải trả đất về quê nhưng gia đình ông không có đất vì đất ở trong căn cứ Đồng Dù, cho nên bà Nguyễn Thị Cắt thấy vậy có chia cho gia đình ông một thửa đất là 3.860m² và phải trả trước một nửa số tiền, còn lại trả dần chừng nào hết thì thôi.

Cha mẹ của ông và ông nhất trí mua thửa đất này vì ông là con trai út cũng là con lớn trong gia đình, vì anh chị của ông tham gia cách mạng không có ở nhà. Đến năm 1978, ông và cha mẹ của ông cũng đã trả xong tiền phần đất ở còn nợ lại, lúc đó chị của ông là Bà L mới trở về sống với gia đình ông năm 1978 và Bà L cũng đã lập gia đình. Đến năm 1979, vợ chồng Bà L bị mẹ ông rầy la và đánh thì Bà L vịn tay mẹ của ông bị bông gân nên cha ông không cho ở đây nữa, mẹ ông có cho Bà L của hồi môn là 04 con bò. Vợ chồng Bà L bán bò mua đất xây nhà ở cho đến nay. Năm 1979, ông Hải cũng đã phục viên về và lập gia đình. Năm 1989, ông Nguyễn Văn Cho là con trai của bà Cắt đến nhà ông tranh chấp đất thì ông và cha mẹ ông nói là đã mua đất của bà Cắt, trả tiền xong rồi, ông Cho không chịu, ông Cho đòi một là trả nửa thửa đất, còn hai là phải trả 01 chỉ vàng. Ông phải đi mượn 01 chỉ vàng đến thị trấn Củ Chi để trả cho ông Cho. Cán bộ thanh tra có lập văn bản đồng ý thỏa thuận mua bán hai bên, đến bây giờ không ai tranh chấp nữa.

Năm 1995, ông và cha mẹ ông có bán số đất 2.880m² để cất nhà ở và chia cho anh chị em một số tiền vàng để làm ăn. Đến năm 2000, cha mẹ của ông cho anh em mỗi người một phần đất để cất nhà ở. Riêng ông Hải bán đất để mua đất nơi khác ở.

Năm 2004, mẹ của ông chết; năm 2007 cha của ông chết và ông chính là người cai quản mảnh đất này từ lúc cha mẹ ông còn sống đến nay là 40 năm. Hiện ông đang sống với vợ con trên mảnh đất này, gồm: Vợ là bà Võ Thị H,

sinh năm 1963 và các con Trần Quốc V, sinh năm 1985; Trần Quốc P, sinh năm 1987; Trần Thị Thủy T, sinh năm 1990, Trần Võ V1, sinh năm 1998 cùng với 02 con dâu và 01 con rể.

Hiện nay trên phần đất tranh chấp có 13 người đang sinh sống, gồm: Ông (Trần Văn E), Võ Thị H; Trần Quốc V, Trần Quốc P, Trần Thị Thủy T, Trần Võ V1; Nguyễn Thị Y1; Trần Ngọc Y; Trần Nguyễn K; Trần Thị Quỳnh N; Trần Nguyễn N1, Trần Thị Diễm M.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 4 năm 2014 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Cha mẹ của bà có để lại di sản là căn nhà cấp 4 tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC diện tích 301m². Khối di sản này đã bị anh trai là ông Trần Văn E hợp thức hóa chiếm dụng cho cá nhân và đã được Ủy ban nhân dân huyện CC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng sau đó các chị em của bà khiếu nại nên Ủy ban nhân dân huyện CC đã ban hành Quyết định số 5923/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 và Quyết định số 6031/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 thu hồi, hủy bỏ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Evà hướng dẫn bà khởi kiện ra Tòa án để tranh chấp di sản thừa kế.

Bà thống nhất với ý kiến của bà Trần Thị L, đồng ý để căn nhà cho ông E thừa hưởng, bà không yêu cầu chia giá trị căn nhà, bà chỉ yêu cầu chia thừa kế phần di sản do cha mẹ bà để lại là giá trị quyền sử dụng đất thành tiền là 571.000.000 đồng, bà đồng ý để căn nhà và công trình phụ trên đất cho ông E thừa hưởng.

Bà cũng thống nhất sử dụng biên bản định giá ngày 18/4/2018 để giải quyết, xét xử vụ án, bà không yêu cầu định giá lại.

Bà xác định ngoài di sản là phần nhà đất ông E đang ở, thì cha mẹ bà không còn để lại di sản nào khác. Bà xác định ông bà nội, ông bà ngoại của bà đều đã chết.

Tại Văn bản trả lời thông báo ngày 25 tháng 6 năm 2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày:

Vào ngày 18/4/2014. bà có nhận được Thông báo số 627/TB-TLVA của Tòa án nhân dân huyện CC theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị L là buộc ông Trần Văn E trả cho Bà L phần di sản thừa kế là 50m² đất từ phần diện tích đất 301m² do cha mẹ để lại thuộc thửa số 23 tờ bản đồ số 50 tại khu phố 2, thị trấn

Củ Chi, huyện CC. Bà không đồng ý chia cho Bà Lvi đây là nhà đất thờ cúng ông bà tổ tiên vì cha mẹ bà khi còn sống cũng đã chia cho các con ai nấy cũng có phần nên phần đất này để lại cho ông Trần Văn E thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Tại phiên tòa ngày 26 tháng 02 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N ủy quyền cho bà Trần Thị L đại diện trình bày:

Bà Trần Thị N là em ruột của bà Trần Thị L. Trước đây, bà Trần Thị N không có yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất nhưng nay bà Trần Thị N có yêu cầu được hưởng thừa kế phần di sản của cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất, bà Nhung không yêu cầu chia giá trị căn nhà và các công trình phụ trên đất, bà đồng ý để lại cho ông E thừa hưởng. Bà L xác định ông bà nội, ông bà ngoại của bà đều đã chết.

Tại Văn bản trả lời thông báo ngày 25 tháng 4 năm 2014 và biên bản lấy lời khai ngày 28/01/2019 và bản tự khai ngày 28/02/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L1 trình bày:

Vào ngày 18/4/2014, bà có nhận được Thông báo số 627/TB-TLVA của Tòa án nhân dân huyện CC theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị L là buộc ông Trần Văn E trả cho Bà L phần di sản thừa kế là 50m² đất từ phần diện tích đất 301m² do cha mẹ để lại thuộc thửa số 23 tờ bản đồ số 50 tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC. Bà không đồng ý chia cho Bà Lvi đây là nhà đất thờ cúng ông bà tổ tiên vì cha mẹ bà khi còn sống cũng đã chia cho các con ai nấy cũng có phần nên phần đất này để lại cho ông Trần Văn E thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Nhà đất ông E đang sử dụng là nhà thờ cha mẹ, là của chung. Bà có ý kiến nhà đó là nhà thờ chung, để anh em ai cũng có thể về hương khói cha mẹ. Bà không có yêu cầu chia tài sản cho bà.

Nhà đất ông E đang sử dụng là nhà thờ cha mẹ, là của chung. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu được chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất, bà đồng ý nhận, còn căn nhà và các công trình phụ trên đất, bà đồng ý để lại cho ông E thừa hưởng.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc V trình bày:

Vào ngày 18/4/2014, Tòa án có Thông báo số 627/TB-TLVA theo đơn kiện của bà Trần Thị L buộc cha của ông là Trần Văn E chia cho Bà L 50m² đất

từ phần diện tích đất 301m² thuộc thửa số 23 tờ bản đồ số 50 tại Khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, ông không đồng ý.

Phần đất này đâu phải riêng mình ông nội mua mà có phần tiền và công sức của ông là Trần Văn E canh tác, canh giữ đến nay là 40 năm; đất này là đất hương hỏa, thờ cúng ông bà cha mẹ; trước đây khi còn sống ông bà nội cũng đã chia cho cô bác, tất cả ai cũng có phần nên phần đất này để lại cho ông Esử dụng, thờ cúng cha mẹ, ông bà nên Bà Lbuộc ông Etrả 50m² đất là không đúng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 11 năm 2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc Y trình bày:

Cha chồng bà là ông Trần Văn E có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nên bà chỉ biết nhà đất này là của ông Em. Còn bên Bà Lkhông có giấy tờ chứng minh là đất của ông nội.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 6 năm 2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc P trình bày:

Vào ngày 18/4/2014, ông có nghe cha của ông nói lại có nhận được Thông báo số 627/TB-TLVA của Tòa án nhân dân huyện CC theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị L là buộc cha ông là ông Trần Văn E trả cho Bà Lphần di sản thừa kế là 50m² đất từ phần diện tích đất 301m² do cha mẹ để lại thuộc thửa số 23 tờ bản đồ số 50 tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC. Theo ông được biết thì đất này là phần tiền của ông bà nội và cha ông mua. Ông không đồng ý chia cho Bà Lvì đây là nhà đất thờ cúng ông bà tổ tiên mà chính cha của ông là người quản lý và trước đây ông nội, bà nội khi còn sống cũng đã chia cho các con ai nấy cũng có phần nên phần đất này để lại cho cha của ông thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Tại các biên bản lấy lời khai cùng ngày 10 tháng 11 năm 2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Y1 trình bày:

Cha chồng của bà là ông Trần Văn E có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nên bà chỉ biết nhà đất này là của ông Em, nên Bà Lthừa cha chồng của bà là sai vì Bà Lkhông có giấy tờ chứng minh.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 7 năm 2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trình bày:

Bà không đồng ý yêu cầu của bà Trần Thị L vì phần đất này đâu phải riêng cha mẹ mua mà là do cha mẹ cùng ông Emua đất năm 1975. Khi cha mẹ

còn sống cũng đã chia cho các con ai cũng có phần, còn lại số đất này, ông Elà con trai út phải thờ cúng ông bà, cha mẹ, không chia cho bất cứ anh em nào vì ai cũng đã có phần.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 7 năm 2014, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thủy T trình bày:

Vào ngày 18/4/2014, bà có nghe cha của bà là ông Enói lại có nhận được Thông báo số 627/TB-TLVA của Tòa án nhân dân huyện CC theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị L là buộc cha của bà là ông Trần Văn E trả cho Bà Lphần di sản thừa kế là 50m² đất từ phần diện tích đất 301m² do cha mẹ để lại thuộc thửa số 23 tờ bản đồ số 50 tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC. Bà không đồng ý chia cho Bà L vì đây là nhà đất thờ cúng ông bà tổ tiên mà chính cha của bà là người đảm trách và trước đây ông nội, bà nội khi còn sống cũng đã chia cho các con ai nấy cũng có phần nên phần đất này để lại cho cha của bà thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 11 năm 2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Anh X trình bày:

Ba vợ của ông là ông Trần Văn E có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nên ông chỉ biết nhà đất này là của ông Em.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 4 năm 2014 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh H1 trình bày:

Cha mẹ của ông có để lại di sản là căn nhà cấp 4 tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC trên diện tích đất 301m².

Khởi di sản này đã bị anh trai của ông là ông Trần Văn E hợp thức hóa chiếm dụng cho cá nhân và đã được Ủy ban nhân dân huyện CC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng sau đó các chị em ông khiếu nại nên Ủy ban nhân dân huyện CC đã ban hành Quyết định số 5923/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 và Quyết định số 6031/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 thu hồi, hủy bỏ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông E và hướng dẫn ông khởi kiện ra Tòa án để tranh chấp di sản thừa kế.

Ông Hải cũng thống nhất với ý kiến của bà Trần Thị L, đồng ý để căn nhà cho ông E thừa hưởng, ông Hải không yêu cầu chia giá trị căn nhà, ông Hải chỉ yêu cầu chia thừa kế phần di sản do cha mẹ ông Hải để lại là giá trị quyền sử

dụng đất thành tiền là 571.000.000 đồng. Ông Hải đồng ý để căn nhà và công trình phụ trên đất cho ông Ethừa hưởng.

Ông xác định ngoài di sản là phần nhà đất ông Edang ở ra, cha mẹ ông Hải không còn để lại di sản nào khác. Ông xác định ông bà nội, ông bà ngoại của ông Hải đều đã chết.

Tại Công văn số 2847/UBND-TNMT ngày 22/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện CC, về việc trả lời Công văn số 76/TAHCC ngày 21/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện CC và Bản tự khai ngày 04/8/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện CC ủy quyền cho ông Nguyễn Việt D đại diện trình bày:

Phần đất có tổng diện tích 301m² tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện Củ đã được Ủy ban nhân dân huyện CC cấp giấy chứng nhận gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 của căn nhà cấp 4, diện tích trên đất ở 200m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010, diện tích 101m² cho ông Trần Văn E đứng tên. Có nguồn gốc của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao (là cha mẹ của ông Trần Văn E) chết để lại.

Từ năm 1975, ông Phụng quản lý, sử dụng và cất nhà ở. Năm 2004, bà Trao chết, đến năm 2007, ông Phụng chết. Do ông Elà con trai út chung sống với cha mẹ ruột từ sau năm 1975. Sau khi ông Phụng và bà Trao chết (ông Phụng và bà Trao chết không để lại di chúc), phần diện tích nhà, đất nêu trên ông Etiếp tục quản lý, sử dụng cho đến năm 2009, ông Elập thủ tục hợp thức hóa đối với diện tích 301m² và được Ủy ban nhân dân huyện CC cấp giấy chứng nhận.

Do việc, cấp 02 giấy chứng nhận nêu trên không có sự đồng ý của các đồng thừa kế của ông Enên ngày 10/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện CC ban hành Quyết định số 5923/QĐ-UBND với nội dung: thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010 cùng của Ủy ban nhân dân huyện CC.

Không đồng ý với các quyết định trên, ông Trần Văn E tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08/02/2013, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 753/QĐ-UBND với nội dung: Công nhận Quyết định số 5923/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện CC về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn E là đúng pháp luật.

Ngày 20/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện CC ban hành Quyết định số 6031/QĐ-UBND với nội dung: Hủy hai giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân huyện CC cấp cho ông Trần Văn E nêu trên, với lý do: Không chấp hành Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 08/02/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn E.

Phần đất nêu trên theo tài liệu 299/TTg (sổ đăng ký ruộng đất) thuộc thửa 280, tờ bản đồ 05 do ông Trần Văn Phụng kê khai đăng ký; theo tài liệu 02/CT-UB (sổ dã ngoại) thuộc thửa 216, tờ bản đồ số 10 do ông Trần Văn Phụng kê khai đăng ký; theo sổ dã ngoại của tài liệu bản đồ số thuộc thửa số 23, tờ bản đồ số 50 ghi tên chủ sử dụng là ông Trần Văn Phụng.

Nay ông đại diện cho Ủy ban nhân dân huyện CC đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 73/2021/DS-ST ngày 26/02/2021, Tòa án nhân dân huyện CC đã tuyên xử:

1. Công nhận phần đất có diện tích 301m² thuộc thửa 23, 524, tờ bản đồ số 50 tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cùng căn nhà cấp 4 diện tích 156,7m² có kết cấu tường gạch, nền gạch, mái tole tọa lạc trên diện tích đất ở 301m² (cùng công trình phụ trên đất như sân tráng xi măng, 01 căn nhà tạm, mái tole, cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng; 01 sạp để may đồ gia công), là di sản thừa kế của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao chết để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị L và chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, ông Trần Thanh H1 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị quyền sử dụng đất diện tích 301m² tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao chết để lại.

Xác định những người thừa kế di sản của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao gồm: bà Trần Thị L, ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị N, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị H và ông Trần Văn E.

Bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị N và bà Trần Thị L1 mỗi người được chia thừa kế phần giá trị di sản thừa kế là 571.000.000đ (năm trăm bảy mươi một triệu đồng).

Ông Trần Văn E được nhận thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 301m² và quyền sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 156,7m² tọa lạc trên diện tích đất 301m² cùng các công trình phụ trên đất (sân tráng xi măng; 01 căn nhà tạm, mái tole, cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng và 01 sạp thuê để may đồ gia công). Ông Ecó nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế gồm: bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị N và bà Trần Thị L1, mỗi người số tiền là 571.000.000đ (năm trăm bảy mươi một triệu đồng), thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi hoàn tất các nghĩa vụ trên, ông Eđược quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục kê khai di sản thừa kế để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với phần nhà đất như vừa nêu ở trên theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng:

Bà Liên, bà Hiền và ông Hải tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

Bà Liên, ông Em, ông Hải được miễn nộp án phí do là người cao tuổi.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho Bà Ltheo biên lai số 08512 ngày 09/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Hải theo biên lai số 09662 ngày 26/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC.

Bà Hiền phải nộp án phí là 26.840.000đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 09663 ngày 26/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC, bà Hiền còn phải nộp bổ

sung tiền án phí là 24.340.000đ (hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bà Lan phải nộp án phí là 26.840.000đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bà Nhung phải nộp án phí là 26.840.000đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/3/2021, ông Trần Văn E là bị đơn nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn ông Trần Văn E kháng cáo cho rằng, nhà đất có diện tích đất 301m² thuộc thửa số 23, 524, tờ bản đồ số 50 tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC đang tranh chấp là do ông mua và ông đã ở và sử dụng đến nay 47 năm, nhà để thờ cúng ông, bà, cha mẹ nên không đồng ý chia thừa kế. Đồng thời, các anh chị em đã được cha mẹ của ông là ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao lúc còn sống đã chia xong cho các anh, chị, em mỗi người một phần đất, còn phần đất đang tranh chấp là cho ông. Do đó, ông yêu cầu Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Nguyên đơn bà Trần Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, bà Trần Thị N ủy quyền cho bà Trần Thị L đại diện, bà Trần Thị L1, bà Trương Thị Mỹ L2 yêu cầu không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn E. Đồng thời, cho thời hạn ông Trần Văn E thanh toán số tiền 571.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu hết thời hạn 06 tháng mà ông Trần Văn E không thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế thì yêu cầu phát mãi để chia theo tỷ lệ mỗi người nhận 1/7 giá trị quyền sử dụng đất, riêng ông Trần Văn E nhận 2/7 giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ giá trị xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H xác nhận bà là vợ của ông Trần Văn E, tên thường gọi là Võ Thị Kim C, còn trong Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu là Võ Thị H và xác nhận Võ Thị H và Võ Thị Kim C là một người. Đồng thời, thống nhất với lời trình bày và yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn E.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc V, ông Trần Quốc P thống nhất với lời trình bày và yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn E.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Theo công văn số 859/UBND ngày 26/10/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn Củ Chi thì tại căn nhà tổ 10, khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC hiện có những người đang sinh sống như sau: ông Trần Văn E, bà Võ Thị Kim C, ông Trần Quốc V, ông Trần Quốc P, ông Trần Võ V1, bà Nguyễn Thị Y1, cháu Trần Nguyễn K, cháu Trần Ngọc Quỳnh N, cháu Trần Thị Bảo M. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa sơ thẩm không đưa các cháu Trần Nguyễn K, cháu Trần Ngọc Quỳnh N, cháu Trần Thị Bảo M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm đã đưa ông PhonX và ông Vũ là người giám hộ của các cháu tham gia tố tụng, nên không cần thiết phải hủy án.

Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Thị H xác định bà Võ Thị Kim C là tên thường gọi ở nhà của bà và bà là vợ của ông Em, không có yêu cầu gì trong vụ án và xác định bà Võ Thị H và bà Võ Thị Kim C là một người và đã được cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo Công văn số 2847/UBND-TNMT ngày 22/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện CC có nội dung: Phần đất có tổng diện tích 301m² tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện Củ đã được Ủy ban nhân dân huyện CC cấp giấy chứng nhận gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 của căn nhà cấp 4, diện tích trên đất ở 200m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010, diện tích 101m² cho ông Trần Văn E đứng tên. Có nguồn gốc của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao (là cha mẹ của ông Trần Văn E) chết để lại.

Đồng thời, căn cứ Quyết định số 6031/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện CC đã hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền

sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010 của Ủy ban nhân dân huyện CC đã cấp cho ông Trần Văn E ngụ tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC.

Như vậy, xác định nguồn gốc diện tích đất 301m² thuộc thửa số 23, 524, tờ bản đồ số 50 tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC là của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao chết để lại.

Ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao chết không để lại di chúc và chung sống có 06 người con chung gồm: bà Trần Thị L, ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị N, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị H và ông Trần Văn E. Các con của ông Phụng và bà Trao là hàng thừa kế thứ nhất nên chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Đồng thời, xem xét quá trình sử dụng cũng như công sức đóng góp của ông E vào khối di sản, nên chia phần di sản của ông Phụng và bà Trao làm 07 kỷ phần bằng nhau, riêng ông E được 02 kỷ phần, còn các đồng thừa kế còn lại mỗi người 01 kỷ phần và các đồng thừa kế của ông E yêu cầu nhận giá trị một suất thừa kế là 571.000.000 đồng. Án sơ thẩm, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Ông Trần Văn E kháng cáo cho rằng, nhà đất có diện tích đất 301m² thuộc thửa số 23, 524, tờ bản đồ số 50 tại Khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC đang tranh chấp là do ông mua và ông đã ở và sử dụng đến nay, nhà để thờ cúng ông, bà, cha mẹ nên không đồng ý chia thừa kế. Đồng thời, các anh chị em đã được cha mẹ của ông là ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao lúc còn sống đã chia xong cho các anh, chị, em mỗi người một phần đất. Tuy nhiên, ông Trần Văn E không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông, nên không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N ủy quyền cho bà Trần Thị L đại diện, bà Trần Thị L1, bà Trương Thị Mỹ L2 cho thời hạn ông Trần Văn E thanh toán số tiền 571.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu hết thời hạn 06 tháng mà ông Trần Văn E không thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế thì yêu cầu phát mãi để chia theo tỷ lệ mỗi người nhận 1/7 giá trị quyền sử dụng đất, riêng ông E nhận 2/7 giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ giá trị xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất là hoàn toàn tự nguyện, nên ghi nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn E. Sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự nêu trên cho ông E thời hạn thanh toán tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc Y, bà Nguyễn Thị Y1, ông Trần Võ V1, bà Trần Thị Thủy T, ông Trần Văn Anh X, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Thanh H1 là bà Trần Ngọc Bích T1 và ông Trần Văn Lâu, Ủy ban nhân dân huyện CC ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh Phong đại diện có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ Giấy chứng minh nhân dân của bà Võ Thị H (bút lục số 294) cùng lời trình bày của bà Võ Thị H, ông Trần Văn E và của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, xác nhận thống nhất bà Võ Thị H, sinh năm 1963 là vợ duy nhất của ông Trần Văn E. Đồng thời, xác nhận bà Võ Thị H tên thường gọi là Võ Thị Kim C là một người. Án sơ thẩm, xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim C là không đúng. Tuy nhiên, bà Võ Thị H (tên thường gọi là Võ Thị Kim C) là vợ của ông Trần Văn E là người đang ở trong nhà, đất tranh chấp, không phải là đồng thừa kế và không có yêu cầu gì trong vụ án nên giải quyết nội dung không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H (tên thường gọi Võ Thị Kim C), sinh năm 1963

[3] Theo Trích lục khai tử (bản sao) số 802/2021/TLKT-BS ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện CC thể hiện: Ông Trần Thanh H1, sinh ngày 25/4/1955, chết ngày 20/6/2021.

[4] Theo Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) số 282, quyển số 02/2002 ngày 13/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện CC, Sao từ sổ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội ngày 08/11/2004 thể hiện: Ông Trần Thanh H1 và bà Trương Thị Mỹ L2 là quan hệ vợ chồng.

[5] Căn cứ Bản tự khai của bà Trương Thị Mỹ L2 ngày 11/11/2021, các Giấy khai sinh của bà Trần Ngọc Bích T1, ông Trần Văn Lâu và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự xác nhận thống nhất bà Trương Thị Mỹ L2, bà Trần Ngọc Bích T1, ông Trần Văn Lâu là vợ con của ông Trần Thanh H1.

[6] Xét, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông Trần Thanh H1, chết ngày 20/6/2021. Do đó, những người thừa kế của ông Hải là bà Trương Thị Mỹ L2, bà Trần Ngọc Bích T1, ông Trần Văn Lâu là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện CC thể hiện: Ông Trần Văn E được quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, với diện tích sàn 156,7m², kết cấu nhà: tường gạch, nền gạch, mái tôn, nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 23, tờ bản đồ số 50, diện tích sử dụng 200m² (bút lục số 387 – 388).

[8] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010 của Ủy ban nhân dân huyện CC thể hiện: Ông Trần Văn E là người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 524, tờ bản đồ số 50, địa chỉ khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, với diện tích 101m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng 2060 (bút lục số 389 – 390).

[9] Theo Quyết định số 5923/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của Ủy ban nhân dân huyện CC, về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010 của Ủy ban nhân dân huyện CC đã cấp cho ông Trần Văn E ngụ tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC có nội dung: Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010 của Ủy ban nhân dân huyện CC đã cấp cho ông Trần Văn E ngụ tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC. Lý do: Việc xét cấp giấy chứng nhận cho ông Trần Văn E không có sự đồng ý của các đồng thừa kế với ông

Trần Văn E. Việc tranh chấp quyền sử dụng đất cũng như tranh chấp tài sản gắn liền với đất (nếu có) giữa các ông bà Trần Thị L, Trần Thị H, Trần Thanh H1, Trần Thị L1 với ông Trần Văn E, sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (bút lục số 403 – 404).

[10] Theo Quyết định số 6031/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện CC, về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010 của Ủy ban nhân dân huyện CC đã cấp cho ông Trần Văn E ngụ tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC có nội dung: Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010 của Ủy ban nhân dân huyện CC đã cấp cho ông Trần Văn E ngụ tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC. Lý do: Không chấp hành thực hiện Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 08/02/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn E. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký (bút lục số 405 – 406).

[11] Như vậy, căn cứ Công văn số 2847/UBND-TNMT ngày 22/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện CC, Công văn số 2847/UBND-TNMT ngày 22/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện CC và Quyết định số 6031/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện CC thì Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010 của Ủy ban nhân dân huyện CC đã cấp cho ông Trần Văn E ngụ tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC đã bị Ủy ban nhân dân huyện CC hủy.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất xác nhận hiện trạng nhà, đất tại thửa đất số 23 và 524, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cùng căn nhà cấp 4 diện tích 156,7m² có kết cấu tường gạch, nền gạch, mái tole tọa lạc trên diện tích đất ở 301m² (cùng công trình phụ trên đất gồm sân tráng xi măng, 01 căn nhà tạm, mái tole, cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng; 01 sạp để máy đồ gia công), theo Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở của cá nhân (hoặc tổ chức) số 3963/ĐĐBĐ/CC/2009

do Công ty TNHH Đo đạc và Tư vấn Yên Định lập tháng 6 năm 2009 có xác nhận của Phòng Công thương huyện CC ngày 18/9/2009; Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Đo đạc và Tư vấn Yên Định lập tháng 8 năm 2009, được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CC kiểm tra nội nghiệp ngày 15/8/2009 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện CC lập ngày 07/3/2017.

[13] Theo Tờ tự khai nguồn gốc khu đất xin sử dụng (đính kèm theo đơn xin sử dụng đất) của ông Trần Văn Phụng ngày 02/01/2002 và 28/01/2002; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 02/01/2002 và 28/01/2002 thể hiện: ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao là người đăng ký và xin sử dụng đất đối với thửa đất 31-5; 31-6 và Tờ khai lệ phí trước bạ thể hiện ông Trần Văn Phụng là người nộp thuế trước bạ. Đồng thời, tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Tờ tường trình nguồn gốc của ông Trần Văn E cùng ngày 20/10/2009 đều thể hiện nội dung: Thừa hưởng của cha mẹ và đất do cha là Trần Văn Phụng và mẹ bà Nguyễn Thị Trao cho sử dụng từ năm 1996. Tự xây cất, từ đó đến nay không có tranh chấp. Đất do cha mẹ sử dụng từ năm 1975 đến năm 1996 cho lại tôi sử dụng. Như vậy, có căn cứ xác định nguồn gốc đất các đương sự tranh chấp là của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao.

[14] Xét, ông Trần Văn E sống chung với cha mẹ của ông là ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao từ sau năm 1975. Sau khi ông Phụng và bà Trao chết, ông Tiếp tục quản lý và sử dụng nhà đất nêu trên cho đến năm 2009, ông Elàm thủ tục hợp thức hóa đối với phần diện tích đất 301m². Việc lập thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nêu trên là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện CC đã ra các Quyết định số 5923/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 và Quyết định số 6031/QĐ-UBND ngày 20/6/2013, với các nội dung: thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 534/2009/UB-GCN ngày 09/12/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH27496.10.000015 ngày 25/01/2010 của Ủy ban nhân dân huyện CC đã cấp cho ông Trần Văn E. Như vậy, quyền sử dụng đất thuộc thửa số 23, 524, tờ bản đồ số 50, tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cùng căn nhà cấp 4 diện tích 156,7m² có kết cấu tường gạch, nền gạch, mái tole tọa lạc trên diện tích đất ở 301m² (cùng công trình phụ trên đất gồm: sân tráng xi măng, 01 căn nhà tạm, mái tole, cột bê tông cốt thép,

nền tráng xi măng; 01 sạp để may đồ gia công), là di sản thừa kế của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao chết để lại.

[15] Ông Trần Văn E kháng cáo cho rằng, quyền đất tại thửa số 23, 524, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại đường Nguyễn Văn Ni, khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh là do ông mua. Tuy nhiên, ông Trần Văn E không xuất trình được chứng cứ chứng minh là phần đất tranh chấp nêu trên là do ông mua. Đồng thời, các đồng thừa kế không thừa nhận ông Trần Văn E là người mua phần đất đang tranh chấp. Do đó, ông Trần Văn E kháng cáo cho rằng, phần đất tranh chấp là do ông mua là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[16] Việc ông Trần Văn E ở và sử dụng nhà, đất tại đường Nguyễn Văn Ni, khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao (cha mẹ của ông Em) tại thời điểm cha mẹ của ông E còn sống thì ông E cũng không phải là người được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất hợp pháp.

[17] Đồng thời, ông Trần Văn E kháng cáo cho rằng, thời điểm ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao còn sống đã chia xong cho các anh chị em mỗi người một phần đất rồi, còn phần đất đang tranh chấp là cho ông. Tuy nhiên, ông Trần Văn E cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông Phụng và bà Trao đã chia cho các con mỗi người một phần đất và phần đất đang tranh chấp là đã cho ông. Do đó, ông Trần Văn E kháng cáo cho rằng, ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao còn sống đã chia xong cho các anh chị em mỗi người một phần đất rồi, còn phần đất đang tranh chấp là cha mẹ đã cho ông là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[18] Tại cấp sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu gì đối với giá trị căn nhà và các công trình phụ trên đất. Các đương sự bà Liên, bà Hiền, bà Nhung, ông Hải, bà Lan đều không yêu cầu chia thừa kế phần xây dựng căn nhà và các công trình phụ, mà để lại cho ông Trần Văn E thừa hưởng căn nhà và các công trình phụ trên đất nên ghi nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự bà Liên, bà Hiền, bà Nhung ủy quyền cho Bà Lđại diện, bà Ly, bà Lan không kháng cáo và đồng ý để ông Trần Văn E thừa hưởng toàn bộ phần xây dựng căn nhà và các công trình phụ trên đất. Do đó, cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ.

[19] Ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao chết không để lại di chúc và chung sống có 06 người con chung gồm: bà Trần Thị L, ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị N, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị H và ông Trần Văn E. Án sơ thẩm xác định các con của ông Phụng và bà Trao là hàng thừa kế thứ nhất và chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa. Đồng thời, xem xét quá trình sử dụng cũng như công sức đóng góp của ông E vào khối di sản, nên chia phần di sản của ông Phụng và bà Trao làm 07 kỷ phần bằng nhau, riêng ông E được 02 kỷ phần, còn các đồng thừa kế còn lại mỗi người 01 kỷ phần là có căn cứ.

[20] Căn cứ Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản lập ngày 18/4/2018 có giá trị như sau: Quyền sử dụng đất diện tích 301m² thuộc thửa 23, 524 tờ bản đồ số 50 có giá như sau: Giá trị đất thổ cư là 15.000.000 đồng/m² và giá trị đất cây trồng lâu năm là 10.000.000 đồng/m².

Như vậy, tổng giá trị quyền sử dụng đất 301m² là $(15.000.000\text{đ/m}^2 \times 200\text{m}^2) + (10.000.000\text{đ/m}^2 \times 101\text{m}^2) = 4.010.000.000$ đồng.

Giá căn nhà cấp 4: $2.620.000\text{đ/m}^2 \times 40\% \times 156,7\text{m}^2 = 164.221.600$ đồng.

Giá sân lát xi măng: $112.000\text{đ/m}^2 \times 40\%$.

Giá mái che: $650.000\text{đ/m}^2 \times 30\%$.

[21] Án sơ thẩm nhận định, do ông Engăn cản nên việc tiến hành đo đạc không thực hiện được, nên không xác định được diện tích sân để tính giá trị. Ngoài ra, các đồng thừa kế không yêu cầu chia phần giá trị này nên án sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ.

[22] Đồng thời, tổng giá trị quyền sử dụng đất là 4.010.000.000 đồng, được chia làm 07 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 572.857.143 đồng. Tuy nhiên, bà Liên, bà Hiền, bà Lan, bà Nhung và ông Hải chỉ yêu cầu được hưởng thừa kế mỗi người là 571.000.000 đồng nên án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của đương sự là có căn cứ.

[23] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đồng thừa kế là bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N ủy quyền cho bà Trần Thị L đại diện, bà Trần Thị L1 và bà Trương Thị Mỹ L2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tổ tụng của ông Trần Thanh H1 thống nhất đồng ý cho ông Trần Văn E thanh toán số tiền 571.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu hết thời hạn 06 tháng mà ông Trần Văn E không thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế thì yêu cầu phát mãi để chia theo tỷ lệ mỗi người nhận

1/7 giá trị quyền sử dụng đất, riêng ông Trần Văn E nhận 2/7 giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ giá trị xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất.

[24] Xét, các đương sự nêu trên tự nguyện cho ông Trần Văn E thời hạn thanh toán số tiền nêu trên không trái với các quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Đồng thời, quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể, nên cấp phúc thẩm bổ sung và sửa bản án sơ thẩm, nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[25] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn E và sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N ủy quyền cho bà Trần Thị L đại diện, bà Trần Thị L1 và bà Trương Thị Mỹ L2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ theo tố tụng của ông Trần Thanh H1 cho ông Trần Văn E thanh toán số tiền 571.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu hết thời hạn 06 tháng mà ông Trần Văn E không thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế thì yêu cầu phát mãi để chia theo tỷ lệ mỗi người nhận 1/7 giá trị quyền sử dụng đất, riêng ông Nhận 2/7 giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ giá trị xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất, là có căn cứ nên chấp nhận.

[26] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn E là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 632; Điều 634; Điều 635; Điều 636; Điều 642; Điều 645; Điều 676; khoản 2 Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 52; Điều 95; Điều 99; Điều 105 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn E.
2. Sửa bản án số 73/2021/DS-ST ngày 26/02/2021 của Toà án nhân dân huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Công nhận phần đất có diện tích đất 301m², thuộc thửa số 23, 524, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh cùng căn nhà cấp 4 diện tích 156,7m² có kết cấu tường gạch, nền gạch, mái tole tọa lạc trên diện tích đất ở 301m² (cùng công trình phụ trên đất gồm: sân tráng xi măng, 01 căn nhà tạm, mái tole, cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng; 01 sạp để may đồ gia công), theo Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở của cá nhân (hoặc tổ chức) số 3963/ĐĐBĐ/CC/2009 do Công ty TNHH Đo đạc và Tư vấn Yên Định lập tháng 6 năm 2009 có xác nhận của Phòng Công thương huyện CC ngày 18/9/2009; Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Đo đạc và Tư vấn Yên Định lập tháng 8 năm 2009, được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CC kiểm tra nội nghiệp ngày 15/8/2009 và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện CC lập ngày 07/3/2017, là di sản thừa kế của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao chết để lại.

2.2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị L và chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, ông Trần Thanh H1 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị quyền sử dụng đất diện tích 301m² thuộc thửa số 23, 524, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở của cá nhân (hoặc tổ chức) số 3963/ĐĐBĐ/CC/2009 do Công ty TNHH Đo đạc và Tư vấn Yên Định lập tháng 6 năm 2009 có xác nhận của Phòng Công thương huyện CC ngày 18/9/2009; Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Đo đạc và Tư vấn Yên Định lập tháng 8 năm 2009, được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CC kiểm tra nội nghiệp ngày 15/8/2009) của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao chết để lại có giá trị là 4.010.000.000đ (bốn tỷ không trăm mười triệu đồng).

2.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Trần Văn Phụng và bà Nguyễn Thị Trao gồm: bà Trần Thị L, ông Trần Thanh H1, bà Trần Thị N, bà Trần Thị L1, bà Trần Thị H và ông Trần Văn E.

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, bà Trần Thị N, ông Trần Thanh H1 (có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của

ông Hải là bà Trương Thị Mỹ L2, bà Trần Ngọc Bích T1, ông Trần Văn Lâu), bà Trần Thị L1 giao cho ông Trần Văn E được hưởng thừa kế toàn bộ giá trị phần xây dựng căn nhà cấp 4 diện tích 156,7m², có kết cấu tường gạch, nền gạch, mái tole, tọa lạc trên diện tích đất ở 301m² (cùng công trình phụ trên đất gồm: sân tráng xi măng, 01 căn nhà tạm, mái tole, cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng; 01 sạp để may đồ gia công), tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, ông Trần Thanh H1, chết ngày 20/6/2021 (có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hải là bà Trương Thị Mỹ L2, bà Trần Ngọc Bích T1, ông Trần Văn Lâu), bà Trần Thị N và bà Trần Thị L1 mỗi người được hưởng thừa kế phần giá trị quyền sử dụng đất là 571.000.000đ (năm trăm bảy mươi một triệu đồng). Riêng ông Trần Văn E được hưởng là 1.155.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

2.6. Ông Trần Văn E được nhận thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 301m² thuộc thửa số 23, 524, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà cấp 4 diện tích 156,7m² tọa lạc trên diện tích đất 301m² cùng các công trình phụ trên đất (sân tráng xi măng; 01 căn nhà tạm, mái tole, cột bê tông cốt thép, nền tráng xi măng và 01 sạp thuê để may đồ gia công). Đồng thời, ông Trần Văn E có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế gồm: bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, ông Trần Thanh H1 (có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hải là bà Trương Thị Mỹ L2, bà Trần Ngọc Bích T1, ông Trần Văn Lâu), bà Trần Thị N và bà Trần Thị L1, mỗi người số tiền là 571.000.000đ (năm trăm bảy mươi một triệu đồng), trong thời hạn 06 tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp, hết thời hạn 06 tháng mà ông Trần Văn E không thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế thì các đồng thừa kế có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà, đất nêu trên, số tiền phát mãi sau khi trừ phí, lệ phí, chi phí phát mãi...sẽ được chia theo tỷ lệ như sau: bà Trần Thị L, bà Trần Thị H, ông Trần Thanh H1, chết ngày 20/6/2021 (có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hải là bà Trương Thị Mỹ L2, bà Trần Ngọc Bích T1, ông Trần Văn Lâu), bà Trần Thị N và bà Trần Thị L1 mỗi người được nhận 1/7 giá trị quyền sử dụng đất; riêng ông Trần Văn E được nhận

2/7 giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ giá trị xây dựng nhà và các công trình phụ trên đất.

2.7. Sau khi hoàn tất các nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế, ông Trần Văn E được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với phần nhà, đất thuộc thửa số 23, 524, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

2.8. Về chi phí tố tụng: Bà Trần Thị L, bà Trần Thị H và ông Trần Thanh H1 tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng).

2.9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.9.1. Bà Trần Thị L, ông Trần Văn E, ông Trần Thanh H1 được miễn án phí do là người cao tuổi.

2.9.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho bà Trần Thị L theo biên lai số 08512 ngày 09/12/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC.

2.9.3. Hoàn tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Trần Thanh H1 theo biên lai số 09662 ngày 26/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC.

2.9.4. Bà Trần Thị H phải chịu án phí là 26.840.000đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 09663 ngày 26/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC. Bà Trần Thị H còn phải nộp bổ sung tiền án phí là 24.340.000đ (hai mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

2.9.5. Bà Trần Thị L1 và bà Trần Thị N mỗi người phải chịu án phí là 26.840.000đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn E không phải chịu.

Hoàn tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) cho ông Trần Văn E theo biên lai thu số 0085897 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện CC;
- TAND huyện CC;
- Các đương sự;
- Lưu (T/30)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tường